

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHU VĂN AN

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA CUỐI KÌ 1**Môn: Địa lí 9****Năm học: 2023 - 2024****A. TRẮC NGHIỆM****Câu 1: Dân số ở nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi đặt ra những vấn đề cấp bách nào?**

- A. Xây dựng các nhà dưỡng lão, các khu dân trí
- B. Văn hóa, y tế, giáo dục và giải quyết việc làm trong tương lai
- C. Giải quyết việc làm, vấn đề xã hội, an ninh
- D. Các vấn đề trật tự an ninh và các vấn đề văn hóa, giáo dục

Câu 2: Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với:

- A. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống
- B. Môi trường, chất lượng cuộc sống
- C. Chất lượng cuộc sống và các vấn đề khác
- D. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống; tài nguyên môi trường

Câu 3: Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, tập trung đông đúc ở các vùng nào?

- A. Hải đảo
- B. Miền núi
- C. Trung du
- D. Đồng bằng

Câu 4: Số dân và tỉ lệ dân thành thị có xu hướng:

- A. Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị tăng
- B. Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị giảm
- C. Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị giảm
- D. Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị tăng

Câu 5: Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế đang có sự chuyển dịch theo hướng:

- A. Giảm tỷ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ
- B. Giảm tỷ trọng lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong

Câu 9: Một bác sĩ mở phòng mạch tư thuộc loại hình dịch vụ nào?

- A. Dịch vụ sản xuất
- B. Dịch vụ tiêu dùng
- C. Dịch vụ công cộng
- D. Không thuộc loại hình nào

Câu 10: Quốc lộ 1A là quốc lộ:

- A. Chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau
- B. Chạy từ Lạng Sơn đến TP. Hồ Chí Minh
- C. Chạy từ Hà Giang đến Cà Mau
- D. Chạy từ Hà Giang đến Hà Nội

Câu 11: Nhóm cây công nghiệp nào sau đây được trồng nhiều tại Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Chè, cao su, cà phê
- B. Cà phê, hồ tiêu, cao su
- C. Chè, quế, hồi
- D. Bông, đay, chè

Câu 12: Ngành công nghiệp quan trọng nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay là:

- A. Khai khoáng, thủy điện
- B. Cơ khí, điện tử
- C. Hoá chất, chế biến lâm sản
- D. Vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng

Câu 13: Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

- A. Đền Hùng
- B. Tam Đảo
- C. Sa Pa

ngành công nghiệp và dịch vụ

C. Giảm tỷ trọng trong tất cả các ngành

D. Tăng tỷ trọng trong tất cả các ngành

Câu 6: Nguồn lao động nước ta còn có hạn chế về:

A. Thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động

B. Nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn

C. Kinh nghiệm sản xuất

D. Khả năng tiếp thu khoa học – kỹ thuật

Câu 7: Lúa gạo là cây lương thực chính của nước ta là vì:

A. Có nhiều lao động tham gia sản xuất

B. Khí hậu và địa chất phù hợp để trồng

C. Năng suất cao, người dân quen dùng

D. Tất cả các ý trên đều đúng

Câu 8: Hệ thống công nghiệp của nước ta hiện nay gồm có:

A. Các trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn, lớn, trung bình và nhỏ

B. Các cơ sở nhà nước, ngoài nhà nước và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài

C. Các cơ sở chế biến, các nhà máy, khu công nghiệp, khu chế xuất

D. Có nhiều ngành công nghiệp trọng điểm, các ngành xuất khẩu chủ lực

D. Vịnh Hạ Long

Câu 14: Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống:

A. Sông Hồng và sông Thái Bình

B. Sông Hồng và sông Đà

C. Sông Hồng và sông Cầu

D. Sông Hồng và sông Lục Nam

Câu 15: Thế mạnh về tự nhiên tạo cho vùng Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:

A. Đất phù sa màu mỡ

B. Nguồn nước mặt phong phú

C. Có một mùa đông lạnh

D. Địa hình bằng phẳng

Câu 16: Ngành công nghiệp trọng điểm không phải của Đồng bằng Sông Hồng là:

A. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm

B. Công nghiệp khai khoáng

C. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

D. Công nghiệp cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng

B. TỰ LUẬN

1. Đặc điểm phát triển ngành bưu chính viễn thông ở Việt Nam.

* Vai trò: góp phần đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp, nhanh chóng hội nhập với nền kinh tế thế giới.

* Bưu chính:

– Mạng bưu cục được mở rộng và nâng cấp.

– Nhiều dịch vụ mới với chất lượng cao ra đời: chuyển phát nhanh, điện hoa...

* Viễn thông:

– Tốc độ phát triển điện thoại đứng thứ 2 thế giới.

– Năng lực viễn thông quốc tế và liên tỉnh được mở rộng: nước ta có 6 trạm vệ tinh, 3 tuyến cáp quang biển quốc tế, hòa mạng Internet vào cuối năm 1997.

2. Đặc điểm phát triển ngành du lịch ở Việt Nam.

– Đem lại nguồn thu nhập lớn, góp phần mở rộng giao lưu giữa nước ta với các nước trên thế giới và cải thiện đời sống nhân dân.

- Việt Nam giàu tài nguyên du lịch:
 - + Du lịch tự nhiên: phong cảnh, bãi tắm đẹp, khí hậu tốt, có nhiều vườn quốc gia với các động thực vật quý hiếm,
 - + Du lịch văn nhân: các công trình kiến trúc, di tích lịch sử, lễ hội truyền thống, các làng nghề truyền thống, văn hoá dân gian,...
- Nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng đã được công nhận là di sản thế giới như: vịnh Hạ Long, Động Phong Nha, Cố đô Huế, Di tích Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An.

3. Sự khác biệt trong cư trú và hoạt động kinh tế của dân cư vùng Bắc Trung Bộ.

- Người Kinh:
 - + Cư trú ở đồng bằng, ven biển phía Đông.
 - + Sản xuất lương thực, cây công nghiệp hằng năm.
 - + Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
 - + Hoạt động trong công nghiệp, thương mại, dịch vụ.
- Các dân tộc ít người:
 - + Gồm các dân tộc: Thái, Mường, Tày, Mông, Bru - Vân Kiều,...
 - + Cư trú ở vùng đồi núi phía Tây.
 - + Hoạt động nông, lâm nghiệp: trồng rừng, cây công nghiệp lâu năm, canh tác trên nương rẫy, chăn nuôi trâu bò đàn.

4. Những thuận lợi, khó khăn của dân cư đối với việc phát triển KT – XH của vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Đặc điểm: dân số đông, mật độ dân số cao nhất nước.
- Thuận lợi:
 - + Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.
 - + Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có chuyên môn kỹ thuật.
 - + Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước.
 - + Có một số đô thị được hình thành từ lâu đời (Hà Nội và Hải Phòng).
- Khó khăn:
 - + Sức ép của dân số đông đối với phát triển KT – XH.
 - + Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.

5. Phân tích văn bản.

HẾT